

CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS U&I
U&I LOGISTICS
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 02/2026/TBĐC-UNILOG
No.: 02/2026/TBĐC-UNILOG

TP.HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2026
Hochiminh City, February 10th, 2026

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ CHANGE IN PERSONNEL

Kính gửi/to: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM/
STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
VIETNAM EXCHANG



Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 03.2/2026/NQ-HĐQT.UNILOG ngày 10/02/2026 của Công ty Cổ phần Logistics U&I, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty Cổ phần Logistics U&I như sau:

Based on Board Resolution No. 03.2/2026/NQ-HĐQT.UNILOG dated 10/02/2026 of U&I Logistics Corporation, we would like to announce the change in personnel of U&I Logistics Corporation as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (*):

- Ông (bà)/Mr./Ms.: **HUỖNH HỮU TÂM / HUYNH HUU TAM**
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization: Trưởng phòng HCNS Công ty CP Logistics U&I/ Head of Human Resources Department, U&I Logistics Joint Stock Company
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: Người phụ trách quản trị Công ty/ The person in charge of corporate governance
- Thời hạn bổ nhiệm/Term: từ ngày hiệu lực đến khi HĐQT có quyết định khác/ from the effective date until the Board of Directors makes a different decision.
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 10/02/2026

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:

- Ông (bà)/Mr./Ms.: **CAO THU YẾN / CAO THU YEN**
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: Người phụ trách quản trị Công ty/ The person in charge of corporate governance
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any): Lý do cá nhân/ Personal reasons
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: 10/02/2026

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/02/2026 tại đường dẫn <https://www.unilogistics.vn/vi/> /This information was published on the company's website on 10/02/2026), as in the link <https://www.unilogistics.vn/vi/>

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Nghị quyết HĐQT số 03.2/2026/NQ-HĐQT.UNILOG ngày 10/02/2026 về việc thay đổi nhân sự/ *Board of Directors' Resolution No. 03.2/2026/NQ-HĐQT.UNILOG dated 10/02/2026 regarding personnel changes;*
- Danh sách người có liên quan (Phụ lục II - Danh sách người nội bộ và những người có liên quan)

List of related persons (Appendix II - List of insiders and their related persons).

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Phúc



NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Người phụ trách Quản trị Công ty)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I**

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Logistics U&I;
- Đơn từ nhiệm của bà Cao Thu Yến;
- Biên bản họp số 03/2026/BB-HĐQT.UNILOG ngày 10 tháng 02 năm 2026 của HĐQT Công ty Cổ phần Logistics U&I.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Miễn nhiệm chức danh “Người phụ trách quản trị Công ty” đối với:

Bà **Cao Thu Yến** Sinh ngày 23/01/1977

CCCD số: 074177005925 Ngày cấp: 12/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Thời gian miễn nhiệm kể từ ngày: **10/02/2026**.

Điều 2. Bổ nhiệm nhân sự mới đảm nhiệm chức danh “Người phụ trách quản trị Công ty” là:

Ông **Huỳnh Hữu Tâm** Sinh ngày: 10/04/1977 Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 080077010679 Ngày cấp: 12/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, KP Phú Mỹ 2, P. Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh.

Thời gian đảm nhiệm kể từ ngày: **10/02/2026**

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các phòng ban, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



No.: 03.2/2026/NQ-HĐQT.UNILOG

Ho Chi Minh City, February 10, 2026



RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Dismissal and Appointment of the Company Governance Officer)

**BOARD OF DIRECTORS
U&I Logistics Corporation**

Based on:

- Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019;
- Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- Decree 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, detailing the implementation of certain articles of the Securities Law; amended and supplemented by Decree 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025;
- The Charter of Organization and Operation of U&I Logistics Corporation;
- Resignation letter of Ms. Cao Thu Yen;
- Meeting Minutes No. 03/2026/BB-HĐQT.UNILOG dated February 10, 2026, of the Board of Directors of U&I Logistics Corporation.

RESOLVES

Article 1. Dismissal from the position of "Company Governance Officer" for:

Ms. Cao Thu Yen

- Born on: January 23, 1977
- ID No.: 074177005925
- Issued on: September 12, 2022 by Department of Administrative Management of Social Order

Effective date of dismissal: **February 10, 2026.**

Article 2. Appointment of new personnel to the position of "Company Governance Officer" is:

Mr. Huynh Huu Tam

- Born on: April 10, 1977
- Nationality: Vietnamese



- ID No.: 080077010679
- Issued on: January 12, 2022 by Department of Administrative Management of Social Order
- Address: No. 52/4, DX30 Street, Group 4, Phu My 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City.

Effective date of appointment: **February 10, 2026**

Article 3. Members of the Board of Directors, Executive Board, and relevant departments, units, and individuals are responsible for implementing this Resolution.

Article 4. This Resolution shall take effect as of the date of signing.

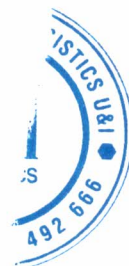
Recipients:

- *As per Article 3;*
- *Supervisory Board;*
- *Record: Office.*

**BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN**

(signed)

MAI HUU TIN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026
Hochiminh City, day 10 month 02 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: **HUỖNH HỮU TÂM / HUYNH HUU TAM**

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 10/04/1977

4/ Nơi sinh/Place of birth: Tây Ninh / Tay Ninh

5/ Số CCCD / ID card No.: 080077010679

Ngày cấp/Date of issue 12/01/2022. Nơi cấp/Place of issue CCS QLHC về TTXH/ CCS QLHC về TTXH.

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/ Vietnam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 52/4, DX30 Street, Group 4, Phu My 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City

9/ Số điện/Telephone number: 0977 274 527

10/ Địa chỉ email/Email: tamhh@unilogistics.vn

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS U&I / U&I LOGISTICS CORPORATION

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Người phụ trách quản trị Công ty/ The person in charge of corporate governance

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Không có/ None

14/ Số CP nắm giữ: 62.244 cổ phần chiếm 0,086% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares 62,244 shares, accounting for 0,086% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): Không có/ None

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: 62.244 cổ phần chiếm 0,086% vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares 62,244 shares, accounting for 0,086% of charter capital

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không có/ None

16/ Danh sách người có liên quan của người khai/List of affiliated persons of declarant: Theo phụ lục đính kèm/ According to the attached appendix.

PHỤ LỤC: DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY TNHH HỮU TÂM

St t	Mã CK/ Securities symbol	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ Relations with the company/ Internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)/ Type of documents (ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)/ Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Chi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) / Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Huỳnh Hữu Tâm	Không có/ None	Người phụ trách quản trị Công ty		CCCD (ID card)	080077010679	12/01/2022	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrative Management of Social Order	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 52/4 DX30 Street, Group 4, Phu My 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	62.244	0.09%	09/02/2026			
1		Huỳnh Văn Hoàng	Không có/ None	Không có/ None	Bố ruột / Father	CCCD (ID card)	080056005383	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrative Management of Social Order	125, Nhom Tri 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh/ 125, Nhom Tri 2, Tan An Ward, Tay Ninh Province	0	0%				
2		Vô Thị Chuyên	Không có/ None	Không có/ None	Mẹ ruột / Mother	CCCD (ID card)	080157009778	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrative Management of Social Order	125, Nhom Tri 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh/ 125, Nhom Tri 2, Tan An Ward, Tay Ninh Province	0	0%				
3		Nguyễn Thị Nhan	Không có/ None	Không có/ None	Mẹ vợ / Mother in law	CCCD (ID card)	074151003586	18/08/2022	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrative Management of Social Order	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 52/4 DX30 Street, Group 4, Phu My 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				

St t	Mã CK/ Securities symbol	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relations with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD/ Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)/ Reasons arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) / Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
4		Võ Ngọc Dung	Không có/ None	Không có/ None	Vợ / Wife	CCCD (ID card)	074175000453	29/03/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrative Management of Social Order	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 52/4, DX30 Street, Group 4, Phu My 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				
5		Huỳnh Võ Anh Thư	Không có/ None	Không có/ None	Con / Child	CCCD (ID card)	074308009385	21/02/2023	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrative Management of Social Order	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 52/4, DX30 Street, Group 4, Phu My 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				
6		Huỳnh Võ Xuân Phương	Không có/ None	Không có/ None	Con / Child	CCCD (ID card)	074314004870	23/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrative Management of Social Order	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 52/4, DX30 Street, Group 4, Phu My 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				
7		Võ Thạch Anh	Không có/ None	Không có/ None	Em vợ/ sister-in-law	CCCD (ID card)	074084006466	17/04/2024	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrative Management of Social Order	09 đường 13A, KBT Phú Thịnh, Tổ 75, Khu phố Phú Thọ 6, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh/ 09, 13A Street, Phu Thinh Residential Area, Group 75, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				

St t	Mã CK/ Secur ities symb ol	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relations with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/Gi ấy ĐKKD)/ Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp /Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) / Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) / Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
8		Võ Thạch Bảo	Không có/ None	Không có/ None	Em ruột/ sister-in- law	CCCD (ID card)	074182010794	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	Số 52/4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 52/4, DX30 Street, Group 4, Phu Mỹ 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				
9		Huỳnh Công Hậu	Không có/ None	Không có/ None	Em ruột/ younger sibling	CCCD (ID card)	074181009137	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	Số 4, Đường DX30, Tổ 4, Khu phố Phú Mỹ 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh/ No. 4, DX30 Street, Group 4, Phu Mỹ 2 Quarter, Binh Duong Ward, Ho Chi Minh City	0	0,00%				
10		Liên Thị Ngọc Thanh	Không có/ None	Không có/ None	Em dâu/ sister-in- law	CCCD (ID card)	080078019181	09/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	Tổ 8, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai/ Group 8, Block 5, Trảng Dài Ward, Dong Nai Province.	0	0%				
11		Huỳnh Tuấn An	Không có/ None	Không có/ None	Em ruột/ younger sibling	CCCD (ID card)	082186014079	09/05/2022	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	Tổ 8, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai/ Group 8, Block 5, Trảng Dài Ward, Dong Nai Province.	0	0%				
12		Dương Thị Kim Hằng	Không có/ None	Không có/ None	Em dâu/ sister-in- law	CCCD (ID card)	08008006309	30/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	125, Nhơn Trĩ 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh/ 125, Nhơn Trĩ 2, Tân An Ward, Tây Ninh Province	0	0%				

St t	Mã CK/ Secur ities symb ol	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoản (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relations hip with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/Gi ấy ĐKKD)/ Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp (Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khí phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) / Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Chi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) / Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
									of Administrativ e Management of Social Order							
13		Huỳnh Thanh Phong	Không có/ None	Không có/ None	Em ruột/ younger sibling	CCCD (ID card)	080181009107	28/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	314, Bình Trung 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh/ 314, Bình Trung 2, Tân An Ward, Tây Ninh Province	23.400	0%				
14		Nguyễn Thị Huỳnh Mai	Không có/ None	Không có/ None	Em dâu/ sister-in- law	CCCD (ID card)	080082013756	02/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	Số 3/76E, Tổ 22, Khu Phố Bình Thuận, Phường Lái Thiêu, Thành Phố Hồ Chí Minh/ No. 3/76E, Group 22, Bình Thuận Hamlet, Lai Thieu Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				
15		Huỳnh Tấn Dũng	Không có/ None	Không có/ None	Em ruột/ younger sibling	CCCD (ID card)	074182003294	24/02/2022	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	Số 3/76E, Tổ 22, Khu Phố Bình Thuận, Phường Lái Thiêu, Thành Phố Hồ Chí Minh/ No. 3/76E, Group 22, Bình Thuận Hamlet, Lai Thieu Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				
16		Mai Thị Kim Phụng	Không có/ None	Không có/ None	Em dâu/ sister-in- law	CCCD (ID card)	080084012479	20/08/2024	Bộ Công An/ Ministry of Public Security	1025/13B CMT8, Phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh/ 1025/13B CMT8 Street, Tân Sơn Nhất Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				

St t	Mã CK/ Secur ities symb ol	Họ tên/ Name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relations with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/Gi ấy ĐKKD)/ Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp /Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ /Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) / Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) / Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
17		Huỳnh Tấn Tài	Không có/ None	Không có/ None	Em ruột/ younger sibling	CCCD (ID card)	082185015033	11/06/2025	Bộ Công An/ Ministry of Public Security	1025/13B CMT8, Phường Tân Sơn Nhài, Tp. Hồ Chí Minh/ 1025/13B CMT8 Street, Tan Son Nhut Ward, Ho Chi Minh City	0	0%				
18		Phạm Thị Mơ	Không có/ None	Không có/ None	Em dâu/ sister-in- law	CCCD (ID card)	080087014562	08/07/2021	Cục CS QLHC về TTXH/ Department of Administrativ e Management of Social Order	125, Nhóm Trĩ 2, Phường Tân An, Tỉnh Tây Ninh/ 125, Nhon Trĩ 2, Tan An Ward, Tay Ninh Province	0	0%				

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Không có/ None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không có/ None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)



Huỳnh Hữu Tâm